

Bản án số: 275/2023/HSPT

Ngày: 19 - 7 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tấn Long

Các Thẩm phán: ông Trương Công Thi

ông Phạm Văn Hợp

- Thư ký phiên tòa: bà Văn Thị Mỹ Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Vân, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2023, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và điểm cầu thành phần tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế. Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa trực tuyến xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 204/2023/TLPT-HS ngày 04 tháng 5 năm 2023 đối với bị cáo Nguyễn Ngọc N và các đồng phạm; do có kháng cáo của các bị cáo và bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2023/HSST ngày 24/3/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2399/2023/QĐXXPT-HS ngày 03 tháng 7 năm 2023.

- Bị cáo có kháng cáo và bị kháng cáo:

1. Nguyễn Ngọc N (T6), sinh ngày 14/9/1983 tại Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Tổ A, khu V, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Thợ mộc; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc S và bà Nguyễn Thị Xuân T; vợ Đặng Thị Thu S1 và có 02 con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 06/9/2010, bị Công an phường T, thành phố H, xử phạt hành chính với số tiền 350.000 đồng về hành vi “Cố ý gây thương tích”.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 19/11/2021 cho đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh TT Huế; có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Ngọc S (Xý), sinh ngày 09/7/1960 tại Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Tổ A, khu V, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: thợ mộc; trình độ văn hóa: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc S2 (chết) và bà Nguyễn Thị S3 (chết); vợ Nguyễn Thị Xuân T và có 06 con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 06/9/2010, bị Công an phường T, thành phố H, xử phạt hành chính với số tiền 350.000 đồng, về hành vi “Cố ý gây thương tích”.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/10/2021, đến ngày 10/5/2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn sang Bảo lãnh; có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Ngọc H (T1), sinh ngày 16/5/1981 tại Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Tổ A, khu V, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Thợ sơn; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc S và bà Nguyễn Thị Xuân T; vợ Võ Thị Thu H1 và có 02 con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 06/9/2010, bị Công an phường T, thành phố H, xử phạt hành chính với số tiền 350.000 đồng, về hành vi “Cố ý gây thương tích”.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 10/5/2022 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

+ *Người bào chữa cho bị cáo* Nguyễn Ngọc N và Nguyễn Ngọc S: Bà Lê Thị Trà M và ông Nguyễn Hoài N1 – Luật sư Công ty L1, thuộc Đoàn luật sư tỉnh TT Huế; địa chỉ: Số I N, phường Đ, Thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; bà M có mặt, ông N1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị hại:*

1. Ông Lê Văn D; sinh năm: 1971; nơi cư trú: Tổ A, khu V, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt

2. Ông Lê Văn Hải Đ; sinh năm: 1986; nơi cư trú: Tổ A, khu vực 5, phường T, Thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại* Lê Văn D và Lê Văn Hải Đ: Ông Hoàng Trọng Đ1 – Luật sư Văn phòng L2, thuộc Đoàn luật sư tỉnh TT Huế; địa chỉ: Số C T, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Bà Nguyễn Thị T2; sinh năm: 1989; nơi cư trú: Tổ A, khu vực 5, phường T, Thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

2. Bà Phạm Thị Hồng T3; sinh năm: 1974; nơi cư trú: Tổ A, khu vực 5, phường T, Thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

3. Bà Võ Thị Thu H1; sinh năm: 1987; nơi cư trú: Tổ A, khu vực 5, phường T, Thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Gia đình Nguyễn Ngọc S với gia đình anh Lê Văn D là hàng xóm láng giềng đều ở tại tổ A, khu vực 5 phường T, thành phố H tỉnh Thừa Thiên Huế. Mặc dù có quan hệ bà con với nhau, nhưng trong quá trình sinh sống, giữa hai gia đình phát sinh mâu thuẫn trong việc tranh chấp đất đai, xây dựng tường rào dẫn đến nhiều lần cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Khoảng 09 giờ ngày 27/9/2021, trong lúc các anh Lê Văn D, Lê Văn Hải Đ (em ruột anh D) đang tiến hành xây dựng tường bao (tường ngăn giữa nhà anh D và ông S) và móng nhà kho trên phần đất của gia đình mình, thì chị Nguyễn Thị Thu H2 (con dâu ông S) dùng điện thoại chụp ảnh lại. Bực tức vì gia đình ông S đã nhiều lần chụp ảnh việc xây dựng hàng rào, sau đó khiếu nại, nên anh Lê Văn D có lời nói chửi bới, nhục mạ gia đình ông Nguyễn Ngọc S. Đến khoảng 09 giờ 30 phút cùng ngày, bực tức vì anh Lê Văn D liên tục có lời nói chửi bới xúc phạm, mặt sát nên ông S chạy vào góc nhà lấy một cây rựa dài 40cm cầm ở tay phải chạy ra phía anh D đang đứng; Nguyễn Ngọc N (con ruột của ông S) thấy vậy liền đi ra phía sau dãy nhà trọ lấy một cây rựa dài 68cm chạy theo sau. Khi đến gần vị trí anh D đang đứng, thì N vượt lên xông đến, anh D liền lấy một cây xẻng xúc đất đang nằm ở gần đó cầm ở tay. Khi thấy N dùng rựa chém vào người mình, anh D đã đưa xẻng lên đỡ sau đó dùng xẻng đánh trả về phía Nam trúng vào chân trái gây thương tích rồi bỏ chạy ra đường T. Thấy vậy, Nguyễn Ngọc S nói “*mi chửi tau còn chém con tau nữa à*” và cầm rựa đuổi theo, Nguyễn Ngọc N cầm rựa chạy theo sau. Khi anh D chạy đến lề đường, mặc dù bị thương nhưng Nguyễn Ngọc N vẫn chạy vượt qua ông S và đuổi kịp anh Lê Văn D. Lúc này, anh D đang nghe điện thoại và quay lưng lại, Nguyễn Ngọc N cầm rựa chém một nhát vào đầu làm mũ cối anh D đang đội trên đầu rơi xuống đất. Anh D1 bỏ chạy ra giữa đường thì bị ngã úp mặt xuống đường, N đuổi đến dùng rựa chém 02 nhát vào vùng hông phải và 01 nhát vào tay phải anh D1. Anh D1 vùng dậy bỏ chạy thì N và ông S tiếp tục đuổi theo. Khi anh D1 chạy đến trước thềm nhà ông Lý Trọng L (đối diện bên kia đường nhà anh D1) thì ngã sấp xuống, N xông đến chém liên tiếp nhiều nhát vào vùng đầu, vai và cẳng chân trái anh D1. Cùng lúc này, ông S chạy vào giật cây rựa mà N đang cầm trên tay, rồi cả hai đi về nhà.

Trong khi ông S và Nam đuổi, chém anh D1; Nguyễn Ngọc H và Nguyễn Ngọc T4 (đều là con trai của ông S) nghe ngoài đường ồn ào nên từ trong nhà đi ra. Thấy hai gia đình đang xô xát và đánh nhau, H liền vào trong nhà kho lấy 01 cây rựa dài 124cm cán được làm bằng tre đi ra trước nhà. H phát hiện anh Lê Văn Hải Đ (em ruột anh D1) đang đứng ở khu vực nhà kho đang xây dựng (phần đất nhà anh D1) nên cầm rựa xông đến chém. Thấy vậy, anh Đ liền nhặt một chiếc xẻng xúc đất nằm gần đó cầm ở tay. H xông đến vùng rựa chém một nhát về phía anh Đ, anh Đ đưa xẻng lên đỡ nên trúng vào cán xẻng. H tiếp tục vùng rựa chém nhát thứ hai vào phần tay phải của anh Đ gây thương tích. Anh Đ chống trả và xông vào giật cây rựa mà H đang cầm trên tay. Quá trình vật lộn, giành giật cây rựa H tiếp tục dùng rựa chém trúng vào đùi phải của anh Đ gây thương tích. Trong lúc anh Đ và Hoàng vật nhau để giành giật cây rựa và xẻng, thì H cũng bị thương ở phần vùng mặt, chân. Thấy đánh nhau, bà Nguyễn Thị Xuân T và chị Võ Thị Thu H1 chạy qua can ngăn nên sự việc dừng lại.

Hậu quả: Anh Lê Văn D, anh Lê Văn Hải Đ bị thương được cấp cứu tại Bệnh viện T7. Nguyễn Ngọc N, Nguyễn Ngọc S bị thương được đi cấp cứu, điều trị tại Bệnh viện H4.

Ngày 26/4/2022, anh Lê Văn Hải Đ có đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự đối với Nguyễn Ngọc H về hành vi gây thương tích cho mình.

* Tại Bản kết luận giám định pháp y về tổn thương cơ thể số: 427-21/TgT ngày 08/10/2021 của Trung tâm giám định Y khoa - Pháp y Sở Y tế tỉnh TT Huế, kết luận về thương tích của anh Lê Văn D:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Vết thương phần mềm vùng đầu hiện đang còn điều trị 05%.
- Vết thương vùng mềm vai trái 01%.
- Vết thương phần mềm vùng hông phải 02%.
- Vết thương gãy xương bàn tay phải 20%.
- Chấn thương gãy hai xương cẳng chân trái 16%.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể hiện tại: 38%.

3. Vật gây: Vật sắc.

* Tại Bản kết luận giám định bổ sung pháp y về tổn thương cơ thể số: 143-22/TgT ngày 25/4/2022 của Trung tâm giám định Y khoa - Pháp y Sở Y tế tỉnh TT Huế, kết luận về thương tích của anh Lê Văn D:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- + Giám định lần 1 tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể là 38%;
- + Giám định bổ sung:

Vết thương phần mềm vùng đầu để lại 02 vết sẹo nhỏ và 01 vết biến đổi sắc tố da không ảnh hưởng chức năng: 2,5%;

Vết thương phần mềm vùng vai trái để lại vết biến đổi da không ảnh hưởng chức năng: 0,5%;

Vết thương phần mềm vùng hông phải để lại vết sẹo trung bình không ảnh hưởng chức năng: 2%;

Chấn thương gãy hai xương cẳng chân phải đã điều trị hiện tại thẳng trục, không ngắn chi: 18%;

Hấn thương gãy hơn hai xương bàn tay phải đã điều trị: 20%;

Chấn thương vùng xương bàn cổ tay gây cứng khớp cổ tay sau chấn thương: 21%;

Vết thương phần mềm khuỷu tay phải để lại sẹo trung bình, không ảnh hưởng chức năng: 2%;

Vết sẹo mu – gan bàn tay phải: 2%;

Vết sẹo mặt gan cổ bàn tay phải 1%;

Vết sẹo phẫu thuật kết hợp xương cẳng chân phải 02 vết vùng gối và 01 vết 1/3 dưới cẳng chân phải: 3%.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể chung qua hai lần giám định là: 55%.

3. Vật gây:

- Các vết thương vùng đầu do vật sắc tác động theo hướng từ trên xuống.*
- Vết thương vùng vai trái do vật tày có cánh tác động.*
- Vết thương vùng hông phải do vật sắc tác động theo hướng từ trái sang phải từ dưới lên.*

- Vết thương khuỷu tay phải và chấn thương bàn tay phải do vật sắc tác động theo hướng từ trên xuống phù hợp với tư thế chống đỡ.

- Chấn thương gãy 1/3 hai xương cẳng chân phải do vật tày tác động với lực mạnh.

** Tại Bản kết luận giám định pháp y về tổn thương cơ thể số: 428-21/TgT ngày 13/10/2021 của Trung tâm giám định pháp y Sở Y tế tỉnh TT Huế, kết luận về thương tích của anh Lê Văn Hải Đ, như sau:*

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Vết thương phần mềm mặt sau cánh tay phải để lại sẹo không ảnh hưởng chức năng: 01%.

- Tổn thương bầm tím mặt sau cánh tay phải không ảnh hưởng chức năng: 0,5%.

- Vết thương vùng mềm đùi phải để lại sẹo không ảnh hưởng chức năng: 01%.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể hiện tại: 02%.

3. Vật gây: Vật sắc.

4. Chiều hướng tác động:

Vết thương tại vùng mặt sau tay phải: có dạng hình chữ V theo hướng từ dưới lên trên, nó tác động bởi vật sắc khi tay nạn nhân đưa cao lên đầu ở tư thế chống đỡ cho vùng đầu.

Vết thương phần mềm vùng đùi chạy theo hướng từ trên xuống dưới ở tư thế đối mặt, có đuôi quặp ngang ở phía dưới hình thành đầu mũi vật sắc tác động (đầu rựa).

Các vết bầm tím tạo ra do bổ ngã hoặc sống của vật sắc (rựa) tác động.

** Tại Bản kết luận giám định pháp y về tổn thương cơ thể số: 429-21/TgT ngày 13/11/2021 của Trung tâm giám định pháp y Sở Y tế tỉnh TT Huế, kết luận về thương tích của Nguyễn Ngọc S, như sau:*

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Hai vết biến đổi sắc tố da gối trái: 01%.

- Hai vết biến đổi sắc tố da gối phải: 01%.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể hiện tại: 02%.

3. Vật gây và cơ chế hình thành: Vật tày. Có hướng từ trên xuống, phù hợp nạn nhân bổ gối va chạm với mặt đường.

* Tại Bản kết luận giám định pháp y về tổn thương cơ thể số: 481-21/TCT ngày 20/11/2021 của Trung tâm giám định pháp y Sở Y tế tỉnh TT Huế, kết luận về thương tích của Nguyễn Ngọc H, như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Vết thương phần mềm vùng mặt để lại sẹo không ảnh hưởng chức năng: 03%.

- Vết thương vùng mềm cẳng chân phải để lại vết sẹo nhỏ không ảnh hưởng chức năng: 01%.

- Vết thương phần mềm bàn chân phải để lại sẹo trung bình không ảnh hưởng chức năng: 02%.

- Vết thương phần mềm bàn chân trái để lại vết sẹo trung bình không ảnh hưởng chức năng: 02%.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể hiện tại: 09%.

3. Vật gây và cơ chế hình thành: Vết thương phần mềm vùng mặt và cẳng chân do vật sắc gây nên. Các vết thương cạnh trong bàn chân hai bên do vật tày có cạnh mỏng gây nên, phù hợp tài liệu điều tra do lưỡi xẻng.

* Tại Bản kết luận giám định pháp y về tổn thương cơ thể số: 480-21/TgT ngày 24/11/2021 của Trung tâm giám định pháp y Sở Y tế tỉnh TT Huế, kết luận về thương tích của Nguyễn Ngọc N, như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Vết thương phần mềm vùng mắt cá ngoài chân trái: 02%.

- Gãy đầu xương mác trái đang điều trị hiện tại cứng khớp cổ chân: 12%.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể hiện tại: 14%.

3. Vật gây và cơ chế hình thành: Vật tày có cạnh mỏng tác động vào mắt cá ngoài chân trái theo hướng từ trên xuống dưới, từ ngoài vào trong.

* Tại Bản kết luận giám định bổ sung pháp y về tổn thương cơ thể số: 178-22/TgT ngày 09/5/2012 của Trung tâm giám định pháp y Sở Y tế tỉnh TT Huế, kết luận về thương tích của Nguyễn Ngọc N, như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Vết thương phần mềm vùng mắt cá ngoài chân trái để lại vết sẹo trung bình: 02%.

- Gãy đầu xương mác trái điều trị ổn định, hạn chế vận động khớp cổ chân trái: 10%.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể hiện tại: 12%.

3. *Vật gây và cơ chế hình thành: Vật tày có cạnh mỏng tác động vào mắt cá ngoài chân trái theo hướng từ trên xuống dưới, từ ngoài vào trong.*

[2] Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2023/HSST ngày 24-3-2023 và Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số 1732/TB-TA ngày 21-4-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã quyết định:

- Căn cứ khoản 2 Điều 123; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 15, khoản 3 Điều 57, Điều 17 của Bộ luật hình sự. Áp dụng thêm khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo S.

Áp dụng Án lệ số 47/2021/AL “về việc xác định tội danh trong trường hợp bị cáo dùng hung khí nguy hiểm đâm vào vùng trọng yếu của cơ thể bị hại” được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 25/11/2021.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Ngọc N (tên gọi khác T5) và Nguyễn Ngọc S (tên gọi khác X) phạm tội “Giết người”

Xử phạt:

+ Bị cáo Nguyễn Ngọc N (tên gọi khác T5) 08 (tám) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt tạm giam 19/11/2021

+ Bị cáo Nguyễn Ngọc S (tên gọi khác X) 04 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt giam thi hành án, nhưng được trừ thời gian đã tạm giam từ ngày 13/10/2021 đến ngày 10/5/2022.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b,i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc H (tên gọi khác T1) phạm tội “Cố ý gây thương tích”

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Ngọc H (tên gọi khác T1) 06 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo H cho UBND phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ từ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[3] Kháng cáo:

Ngày 30-3-2023 Nguyễn Ngọc S kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 31-3-2023 bị cáo Nguyễn Ngọc N2 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 30-3-2023 bị hại Lê Văn D, Lê Văn Hải Đ kháng cáo đề nghị tăng hình phạt và tăng mức bồi thường đối với các bị cáo.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Nguyễn Ngọc S giữ nguyên kháng cáo. Người bào chữa cho bị cáo đề nghị chấp nhận kháng cáo theo hướng giảm hình phạt; lý do là bị cáo không trực tiếp gây thương tích cho bị hại và có hành vi ngăn cản bị cáo N2 chém bị hại nên sự việc được dừng lại; khi chạy theo thì bị cáo do già yếu nên bị ngã và bị thương tích ở đầu gối. Sau khi xét xử sơ thẩm đã bồi thường thêm cho bị hại. Các bị cáo khác trong vụ án đều là con của bị cáo S và trong vụ xô xát cũng đều có thương tích.

Bị cáo Nguyễn Ngọc N giữ nguyên kháng cáo. Người bào chữa cho bị cáo đề nghị chấp nhận kháng cáo theo hướng giảm hình phạt, bởi trong sự việc này hai bên gia đình đã có mâu thuẫn từ lâu gây nên căng thẳng; trong khi tranh chấp đất đai chưa được giải quyết mà bên bị hại cứ cho xây dựng làm cho bên gia đình bị cáo lo sợ bị thay đổi hiện trạng, chấp nhận sự việc đã rồi, nên mới có hành vi ngăn cản rồi dẫn đến bạo lực. Bị cáo cũng bị thương tích 12%.

Bị hại Lê Văn D giữ nguyên kháng cáo, trình bày lý do kháng cáo là bản án sơ thẩm xác định bị hại cũng có lỗi là không đúng; hình phạt quá nhẹ cho các bị cáo, đề nghị tăng mức bồi thường dân sự.

Bị hại Lê Văn Hải Đ giữ nguyên kháng cáo, trình bày lý do kháng cáo là hành vi của bị cáo H có tính chất côn đồ, hình phạt còn nhẹ; đề nghị tăng mức bồi thường dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến: tại giai đoạn phúc thẩm, Thẩm phán, Thư ký Tòa án, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận các kháng cáo về phần hình phạt, về trách nhiệm bồi thường dân sự thì cần tính lại cho hợp lý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Xem xét về hành vi phạm tội:

Do mâu thuẫn trong việc tranh chấp đất đai và xây dựng bức tường giữa hai gia đình ông Lê Văn D và ông Nguyễn Ngọc S làm cho hai gia đình mặc dù có bà con xa với nhau, nhưng thường hay gây gổ cãi nhau gay gắt trong thời gian dài. Khoảng 09 giờ 00 phút ngày 27/9/2021, Nguyễn Ngọc N và Lê Văn D xảy ra gây gổ cãi nhau khi gia đình ông D cho xây dựng bức tường rào. Bực tức vì ông D có lời nói xúc phạm... nên Nguyễn Ngọc N có hành vi dùng rựa (là hung khí nguy hiểm) chém nhiều nhát vào vùng đầu, vào người của ông Lê Văn D; theo Bản kết luận giám định bổ sung pháp y về tổn thương cơ thể số: 143-22/TgT ngày 25/4/2022 của Trung tâm giám định Y khoa - Pháp y Sở Y tế tỉnh TT Huế, kết luận về thương tích của anh Lê Văn D với tổng tỷ lệ tổn hại sức khỏe chung là 55%, trong đó có: *“Vết thương phần mềm vùng đầu để lại 02 vết sẹo nhỏ và 01 vết biến đổi sắc tố da không ảnh hưởng chức năng: 2,5%”*. Mặc

dù Nguyễn Ngọc S không trực tiếp chém anh D nhưng là người xảy ra tranh cãi với bị hại, rồi có lời nói khởi xướng, kích động tính thần cho N dùng dao chém bị hại. Bị cáo N dùng dao, rựa (là hung khí nguy hiểm) chém vào vùng đầu của anh D trong khi anh D có đội mũ bảo hiểm làm vỡ mũ bảo hiểm và gây thương tích phần mềm vùng đầu (là vùng trọng yếu của cơ thể) hoàn toàn có khả năng dẫn đến chết người; tỷ lệ thương tích vết thương này 2,5% là do nhờ bị hại đang đội mũ bảo hiểm.

Cùng trong thời gian trên, Nguyễn Ngọc H và Lê Văn Hải Đ cũng xảy ra xô xát nhau, H có hành vi dùng rựa chém vào vùng tay, đùi anh Lê Văn Hải Đ, gây thương tích tỷ lệ 02%.

Bản án sơ thẩm đã quyết định các bị cáo Nguyễn Ngọc S, Nguyễn Ngọc N phạm vào tội “*Giết người*” theo khoản 2 Điều 123 của Bộ luật hình sự; bị cáo Nguyễn Ngọc H phạm vào tội “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xem xét về hành vi phạm tội và hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Ngọc N: bị cáo N là người trực tiếp chém anh Lê Văn D gây nên tỷ lệ 55%. Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ như: tự nguyện sửa chữa khắc phục một phần hậu quả, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; thuộc trường phạm tội chưa đạt, được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 15 và khoản 3 Điều 57 Bộ luật Hình sự. Trong sự việc này bị cáo cũng bị thương tích tỷ lệ 12%. Bản án sơ thẩm đã đánh giá tính chất và mức độ của hành vi, nguyên nhân xảy ra và hậu quả, để từ đó quyết định hình phạt 08 năm tù là mức án nghiêm minh, phục vụ cho công tác đấu tranh và phòng ngừa tội phạm. Tại phiên tòa phúc thẩm không có tình tiết mới làm thay đổi nội dung vụ án, nên không chấp nhận các kháng cáo giảm nhẹ hay tăng nặng đối với bị cáo, giữ nguyên hình phạt của bản án hình sự sơ thẩm.

[3] Bị cáo Nguyễn Ngọc S là người khởi xướng sự việc và giúp sức cho Nguyễn Ngọc N phạm tội nên bị cáo phải chịu trách nhiệm với vai trò đồng phạm. Bị cáo S không có hành vi trực tiếp chém anh D, chỉ có hành vi cầm dao chạy theo nhưng do già yếu nên bị ngã và thương tích ở đầu gối phù hợp với diễn biến kết quả điều tra. Khi bị ngã đứng dậy thì bị cáo lại là người can ngăn bị cáo N chém anh D.

Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ gồm: tự nguyện khắc phục một phần hậu quả, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt, được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 15 và khoản 3 Điều 57 của Bộ luật hình sự. Bị cáo là người trên 60 tuổi thường xuyên đau ốm nên căn cứ điểm a tiểu mục 4.1 Điều 4 Nghị quyết số 01/2007/NQ-HĐTP ngày 02/10/2007 xác định là “*Người quá già yếu*” nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Bản án sơ thẩm áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ và áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt đối với bị cáo S 04 năm 6 tháng tù là nghiêm minh. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo già yếu, không có hành vi trực tiếp

chém, đồng thời bị cáo là người đã ngăn cản N chém anh D. Các bị cáo trong vụ án đều là con của bị cáo S, sau khi xử sơ thẩm bị cáo S đã nộp thêm số tiền 12.000.000 đồng bồi thường cho bị hại, nên không chấp nhận kháng cáo tăng nặng, chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ một phần hình phạt của bị cáo.

[4] Đối với bị cáo H: bị cáo gây thương tích cho anh D khi thấy hai bên gia đình đã xảy ra xô xát, và thương tích gây ra cho bị hại chỉ có 02 %. Về tình tiết giảm nhẹ: bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là tự nguyện bồi thường thiệt hại, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, được quy định tại điểm b, s, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo H có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, đồng thời là con ruột của bị cáo S và em ruột của bị cáo N, trong sự việc này bị cáo cũng có thương tích 09%. Bản án sơ thẩm đã quyết định phạt bị cáo 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo là phù hợp với tính chất và mức độ của hành vi phạm tội. Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên hình phạt của Bản án Hình sự sơ thẩm.

[5] Xét kháng cáo về dân sự của anh Lê Văn D

Bản án sơ thẩm đã chấp nhận các khoản tiền và buộc bị cáo N và S phải liên đới bồi thường như sau:

- + Tiền chi phí điều trị có hóa đơn chứng từ và tiền mua thức ăn, nước uống bao gồm: Sữa, nước yến, trái cây... để bồi dưỡng mà người bị hại cung cấp có trong hồ sơ vụ án từ ngày 27/9/2021 đến ngày 30/8/2022 với tổng số tiền là 162.617.194 đồng (có bảng kê chi tiết hóa đơn chứng từ kèm theo).

- + Tiền xe chở đi cấp cứu 500.000 đồng và tiền Taxi đi tái khám nhiều lần theo hóa đơn số 623 ngày 12/8/2022 giá trị 5.100.000 đồng.

- + Tiền công làm vệ sinh vết thương 3.000.000 đồng (sau điều trị)

- + Tiền phục hồi chức năng bàn tay 12.000.000 đồng.

- + Tiền mất thu nhập của người bị hại từ tháng 9/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm là 18 tháng; theo Hợp đồng kinh tế giữa Công ty TNHH MTV X1 với anh Lê Văn D trong đó tại Điều 2 của Hợp đồng quy định: “...lái xe và chủ xe là ông Lê Văn D với số tiền 9.000.000 đồng/ tháng bao gồm chi phí ăn uống”. Trong thời gian 18 tháng anh D đã mất thu nhập đối với H3 đồng kinh tế trên, tương đương với số tiền là (18 tháng x 9.000.000 đồng/tháng) = 162.000.000 đồng.

- + Tiền mất thu nhập thực tế của người chăm sóc anh D từ tháng 9/2021 đến ngày điều trị lần cuối cùng 23/8/2022 là 11 tháng, căn cứ Nghị định số 38/2022/NĐ-CP ngày 12/6/2022 quy định về mức lương tối thiểu vùng tại thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế là 4.160.000 đồng/tháng, thì tổng số tiền là (11 tháng x 4.160.000 đồng/tháng) = 45.760.000 đồng.

- + Tiền bù đắp tổn thất về mặt tinh thần = 44.700.000 đồng

Các khoản chi phí bồi thường mà Bản án sơ thẩm đã liệt kê chấp nhận là cụ thể và có căn cứ. Riêng về khoản chi phí cho người nuôi chăm sóc trực tiếp trong thời gian điều trị bệnh nhân Lê Văn D thì đề tương đồng với mức tính công người nuôi bị hại Lê Văn Hải Đ đã được chấp nhận mỗi ngày là 200.000 đồng (tương đương 6.000.000 đồng/tháng). Do đó, theo Bản kê chi phí thiệt hại của bị hại (bl 286) thì chi phí cho người nuôi trực tiếp là 180 ngày (tương đương với 06 tháng). Từ đó, chấp nhận kháng cáo về phần chi phí này, tính mức bồi thường ngày công giảm sút cho người trực tiếp nuôi trong thời gian 06 tháng, từ mức 4.160.000 đồng/tháng lên 6.000.000 đồng/1 tháng; như vậy buộc các bị cáo phải bồi thường thêm là 11.040.000 đồng. Khoản tiền mất thu nhập người chăm sóc anh D được tính lại là 45.760.000 đồng + 11.040.000 đồng = 56.800.000 đồng.

Tổng cộng các khoản trên là 446.717.194 đồng; buộc bị cáo N và bị cáo S phải liên đới bồi thường; cả hai bị cáo đã bồi thường 50.000.000 đồng tại giai đoạn sơ thẩm, nên tiếp tục bồi thường số tiền là 396.717.194 đồng. Trong đó bị cáo N trực tiếp gây thương tích cho anh D nhiều hơn, nên phải chịu trách nhiệm 70% tương đương số tiền 277.702.036 đồng và bị cáo S 30% tương đương số tiền 119.015.158 đồng. Tại giai đoạn phúc thẩm bị cáo S đã bồi thường cho bị hại 12.000.000 đồng, nên còn phải tiếp tục bồi thường 107.015.158 đồng. Bị hại D có quyền nhận số tiền 12 triệu đồng mà bị cáo S nộp bồi thường tại Cục Thi hành án dân sự Thừa Thiên Huế theo Biên lai số 0000432 ngày 18-7-2023.

[6] Xét kháng cáo về dân sự của anh Lê Văn Hải Đ:

Bản án sơ thẩm đã chấp nhận các khoản tiền và buộc bị cáo H bồi thường như sau:

+ Tiền chi phí điều trị tại Bệnh viện T7 gồm có các hóa đơn thuốc như sau: Ngày 28/09/2021 hóa đơn số PT574377 giá trị 945.300 đồng; ngày 30/9/2021 hóa đơn số PT575482 giá trị 875.260 đồng, hóa đơn số PT575575 giá trị 144.900 đồng; ngày 30/9/2021 Phiếu thanh toán ra viện 1.247.847 đồng. Tổng cộng chi phí là 3.213.307 đồng.

+ Tiền mất thu nhập thực tế của người chăm sóc anh Đ trong thời gian nằm viện 03 ngày, mỗi ngày 200.000 đồng là 600.000 đồng.

+ Do vết thương của anh Đ là 2% và điều trị tại bệnh viện trong 03 ngày, nên anh phải tiếp tục điều trị tại nhà cho đến khi vết thương lành là 02 tháng; do đó tiền mất thu nhập của anh Đ 01 tháng là 9.000.000 đồng (anh Đ cũng lái xe như anh D)

Tổng cộng số tiền bị cáo H phải bồi thường cho anh Đ là (3.213.307 đồng + 600.000 đồng + 9.000.000 đồng) = 12.813.307 đồng; bị cáo H đã bồi thường 3.000.000 đồng nên tiếp tục bồi thường 9.813.307 đồng.

Các khoản bồi thường trên đều có cơ sở và hợp lý, người kháng cáo không có tài liệu chứng cứ mới nên không có cơ sở chấp nhận.

Số tiền 3.000.000 đồng do bị cáo H nộp tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh để khắc phục hậu quả, số tiền trên theo ủy nhiệm chi lập ngày 14/7/2022 do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh TT Huế gửi tại kho bạc nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế giao cho anh Lê Văn Hải Đ được nhận số tiền trên.

[7] Án phí hình sự phúc thẩm bị cáo N phải chịu là 200.000 đồng. Án phí dân sự sơ thẩm được tính lại cho đúng với mức bồi thường dân sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận phần kháng cáo về trách nhiệm hình sự của bị cáo Nguyễn Ngọc N, của bị hại Lê Văn D và Lê Văn Hải Đ; chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Ngọc S; chấp nhận một phần kháng cáo về trách nhiệm dân sự của bị hại Lê Văn D, không chấp nhận kháng cáo về trách nhiệm dân sự của Lê Văn Hải Đ. Sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Ngọc S và phần trách nhiệm bồi thường dân sự đối với bị hại Lê Văn D; giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm đối với Nguyễn Ngọc N và Nguyễn Ngọc H.

2. Áp dụng khoản 2 Điều 123; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 15, khoản 3 Điều 57, Điều 17 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Ngọc N (tên gọi khác T5) 08 (tám) năm tù về tội “*Giết người*”, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt tạm giam 19/11/2021

3. Áp dụng khoản 2 Điều 123; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 15, khoản 3 Điều 57, Điều 17, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc S: 03 năm 06 tháng tù về tội “*Giết người*”, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt giam thi hành án, nhưng được trừ thời gian đã tạm giam từ ngày 13/10/2021 đến ngày 10/5/2022.

4. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b,i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Ngọc H (tên gọi khác T1) 06 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, về tội “*Cố ý gây thương tích*”

Giao bị cáo H cho UBND phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ từ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

5. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự và Điều 584, 585, 586, 587, 590, 593 của Bộ luật Dân sự:

+ Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc N và bị cáo Nguyễn Ngọc S phải liên đới bồi thường cho anh Lê Văn D số tiền 396.717.194 đồng. Trong đó bị cáo N bồi thường số tiền 277.702.036 đồng và bị cáo S bồi thường số tiền 119.015.158 đồng. Tại giai đoạn phúc thẩm bị cáo S đã bồi thường cho bị hại 12.000.000 đồng, nên còn phải tiếp tục bồi thường 107.015.158 đồng. (Bị hại D có quyền nhận số tiền 12.000.000 đồng mà bị cáo S nộp bồi thường tại Cục Thi hành án dân sự Thừa Thiên Huế theo Biên lai số 0000432 ngày 18-7-2023).

+ Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc H phải bồi thường cho anh Lê Văn Hải Đ số tiền 18.813.307 đồng. (Giao số tiền 3.000.000 đồng theo ủy nhiệm chi lập ngày 14/7/2022 do Cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh TT Huế gửi tại Kho bạc nhà nước tỉnh TT Huế cho anh Lê Văn Hải Đ được nhận)

6. Về án phí:

Án dân sự sơ thẩm bị cáo N phải chịu 13.885.101 đồng; bị cáo S phải chịu 5.950.757 đồng; bị cáo H phải chịu 940.066 đồng.

Án phí hình sự phúc thẩm bị cáo N phải chịu 200.000 đồng.

7. Các quyết định khác còn lại của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hiệu kháng cáo kháng nghị; việc thi hành án được thực hiện theo quyết định của bản án sơ thẩm.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế
- VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh TTH;
- Phòng HSNV - Công an tỉnh Thừa T Huế;
- Cơ quan CSTHAHS - Công an TTH;
- Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cục THADS tỉnh TTH;
- Trại tạm giam CA tỉnh TTH;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Long